

Chỉ đạo biên soạn:

VỤ KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO – BỘ Y TẾ

Chủ biên:

TS. BÙI THỊ THU HÀ

Những người biên soạn:

TS. BÙI THỊ THU HÀ

TS. VƯƠNG TIẾN HOÀ

ThS. TRẦN ĐỨC THUẬN

ThS. LÊ MINH THI

TS. LÊ CỰ LINH

Thư ký biên soạn:

ThS. LÊ MINH THI

Tham gia tổ chức bản thảo:

ThS. PHÍ VĂN THÂM

TS. NGUYỄN MẠNH PHA

ThS. PHÍ NGUYỆT THANH

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện một số điều của Luật Giáo dục, Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Y tế đã ban hành chương trình khung đào tạo Cử nhân Y tế công cộng. Bộ Y tế tổ chức biên soạn tài liệu dạy – học các môn cơ sở và chuyên môn theo chương trình trên nhằm từng bước xây dựng bộ sách đạt chuẩn chuyên môn trong công tác đào tạo nhân lực y tế.

Sách *Sức khoẻ sinh sản* được biên soạn dựa vào chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Hà Nội trên cơ sở chương trình khung đã được phê duyệt. Sách được các tác giả TS. Bùi Thị Thu Hà (chủ biên), TS. Vương Tiến Hoà, ThS. Trần Đức Thuận, ThS. Lê Minh Thi, TS. Lê Cự Linh biên soạn theo phương châm: kiến thức cơ bản, hệ thống; nội dung chính xác, khoa học; cập nhật các tiến bộ khoa học, kỹ thuật hiện đại và thực tiễn Việt Nam.

Sách *Sức khoẻ sinh sản* đã được Hội đồng chuyên môn thẩm định sách và tài liệu dạy – học chuyên ngành đào tạo Cử nhân Y tế công cộng của Bộ Y tế thẩm định năm 2008. Bộ Y tế quyết định ban hành tài liệu dạy – học đạt chuẩn chuyên môn của ngành trong giai đoạn hiện nay. Trong thời gian từ 3 đến 5 năm, sách phải được chỉnh lý, bổ sung và cập nhật.

Bộ Y tế chân thành cảm ơn các tác giả và Hội đồng chuyên môn thẩm định đã giúp hoàn thành cuốn sách; Cảm ơn GS.TS. Đỗ Trọng Hiếu, GS.TS. Phạm Thị Minh Đức đã đọc và phản biện để cuốn sách sớm hoàn thành kịp thời, phục vụ cho công tác đào tạo nhân lực y tế.

Lần đầu xuất bản, chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của đồng nghiệp, các bạn sinh viên và các độc giả để lần xuất bản sau sách được hoàn thiện hơn.

VỤ KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO – BỘ Y TẾ

MỤC LỤC

Lời giới thiệu.....	3
Danh mục các chữ viết tắt.....	8
Bài 1. Đại cương về sức khỏe sinh sản	9
1. Khái niệm sức khỏe sinh sản.....	9
2. Đối tượng nghiên cứu của môn sức khỏe sinh sản.....	10
3. Các biện pháp chăm sóc sức khỏe sinh sản.....	11
4. Nội dung của sức khỏe sinh sản trong chiến lược quốc gia về sức khỏe sinh sản tại Việt Nam 2001–2010.....	12
4.1. Làm mẹ an toàn.....	12
4.2. Kế hoạch hoá gia đình.....	12
4.3. Phá thai an toàn.....	13
4.4. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho vị thành niên.....	13
4.5. Phòng các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản.....	13
4.6. Phòng các bệnh lây truyền qua đường tình dục.....	14
4.7. Phòng ung thư vú và ung thư sinh dục.....	14
4.8. Vô sinh.....	14
4.9. Sức khỏe tình dục và giáo dục về tình dục.....	14
4.10. Thông tin, giáo dục, truyền thông về sức khỏe sinh sản.....	15
5. Trách nhiệm của nam giới trong chương trình sức khỏe sinh sản bao gồm kế hoạch hoá gia đình và sức khỏe tình dục.....	15
6. Kết luận.....	16
Tự lượng giá.....	16
Tài liệu đọc thêm.....	16
Bài 2. Giải phẫu và sinh lý của cơ quan sinh sản ứng dụng trong sức khỏe sinh sản	17
1. Giải phẫu cơ quan sinh dục nam và nữ.....	17
1.1. Hệ thống cơ quan sinh dục nam:.....	17
1.2. Hệ thống cơ quan sinh dục nữ.....	18
1.3. Vú.....	19
2. Sinh lý sinh dục nữ.....	20
2.1. Chu kỳ buồng trứng.....	21
2.2. Chu kỳ nội mạc tử cung.....	22
3. Sự thụ tinh, làm tổ và sự phát triển của thai.....	23
3.1. Định nghĩa.....	23
3.2. Sự thụ tinh.....	23
3.3. Sự di chuyển của trứng.....	23
3.4. Sự làm tổ của trứng.....	23
3.5. Sự phát triển của thai nhi.....	23
4. Ứng dụng trong sức khỏe sinh sản.....	24
Tự lượng giá.....	25
Tài liệu đọc thêm.....	25
Bài 3. Đại cương sức khỏe tình dục	26
1. Giới thiệu về tình dục học.....	26
1.1. Tại sao phải nghiên cứu về tình dục.....	26
1.2. Các khái niệm liên quan đến sức khỏe tình dục.....	27
1.3. Các khía cạnh của tình dục.....	29

2. Chu trình đáp ứng tình dục ở người	31
2.1. Giai đoạn kích thích (excitement)	31
2.2. Giai đoạn cao trào (plateau).....	31
2.3. Giai đoạn cực khoái (orgasm).....	32
2.4. Giai đoạn thoái trào (resolution).....	32
3. Mối liên hệ giữa sức khỏe tình dục, giới và sức khỏe sinh sản	33
4. Một số rối loạn chức năng tình dục.....	33
4.1. Rối loạn cương.....	33
4.2. Xuất tinh sớm	34
4.3. Xuất tinh chậm	34
4.4. Đau khi giao hợp	34
4.5. Giảm ham muốn tình dục.....	35
Tự lượng giá.....	35
Tài liệu đọc thêm.....	36
Bài 4. Sức khỏe sinh sản vị thành niên và giáo dục giới tính	37
1. Những đặc điểm phát triển tâm lý ở tuổi vị thành niên.....	37
1.1. Sự phát triển thể chất ở tuổi VTN.....	37
1.2. Thay đổi về tâm sinh lý	38
2. Các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe sinh sản vị thành niên	39
2.1. Môi trường xã hội và kinh tế.....	39
2.2. Thông tin và kỹ năng	39
2.3. Tiếp cận với dịch vụ y tế	39
3. Các vấn đề sức khỏe sinh sản vị thành niên.....	40
3.1. Quan hệ tình dục và hôn nhân	40
3.2. Mang thai và sinh con ở lứa tuổi VTN	40
3.3. Phá thai.....	41
3.4. Kiến thức và sử dụng các biện pháp tránh thai (BPTT)	42
3.5. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục (LTQĐTD) và HIV/AIDS	42
4. Các chương trình và chiến lược can thiệp	43
Tự lượng giá	45
Tài liệu đọc thêm.....	46
Bài 5. Nhiễm khuẩn đường sinh sản, các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục	
và HIV/AIDS	47
1. Nhiễm khuẩn đường sinh sản	47
1.1. Giới thiệu chung	47
1.2. Những đặc điểm của NKĐSS.....	48
2. Các yếu tố ảnh hưởng tới bệnh NKĐSS	48
2.1. Yếu tố ảnh hưởng	48
2.2. Hậu quả của NKĐSS	49
3. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục	49
3.1. Giới thiệu chung	49
3.2. Đặc điểm của bệnh LTQĐTD	50
3.3. HIV/AIDS.....	52
Tự lượng giá.....	55
Tài liệu đọc thêm.....	55
Bài 6. Làm mẹ an toàn	56
1. Tình hình làm mẹ an toàn trên toàn cầu	56
1.1. Tình hình tử vong mẹ trên thế giới	56
1.2. Sự ra đời của sáng kiến làm mẹ an toàn.....	57
2. Tử vong mẹ.....	58
2.1. Định nghĩa	58
2.2. Nguyên nhân tử vong mẹ	59

3. Các biện pháp can thiệp giảm tử vong mẹ	62
3.1. Cấp cứu sản khoa cơ bản/thiết yếu và toàn diện	63
3.2. Xử trí 3 "chậm"	63
4. Chăm sóc và quản lý thai nghén.....	64
4.1. Mục tiêu của chăm sóc và quản lý thai nghén	65
4.2. Thăm thai và dùng phiếu theo dõi sức khoẻ bà mẹ tại nhà	65
4.3. Những vấn đề cần chuẩn bị cho lần đẻ con tới	70
4.4. Mô hình chăm sóc và quản lý thai nghén mới của WHO	70
5. Chăm sóc khi đẻ và sau khi đẻ.....	71
5.1. Chăm sóc khi đẻ	71
5.2. Chăm sóc sau đẻ	72
Tự lượng giá.....	72
Tài liệu đọc thêm.....	73
Bài 7. Các biện pháp tránh thai và vấn đề kế hoạch hoá gia đình	74
1. Giới thiệu.....	74
1.1. Một số khái niệm	74
1.2. Lịch sử phát triển của các biện pháp tránh thai trên thế giới.....	74
1.3. Quan điểm về Kế hoạch hoá gia đình của ICPD	75
2. Kế hoạch hoá gia đình và chiến lược dân số Việt Nam.....	76
3. Các biện pháp tránh thai phổ biến và tình hình áp dụng các biện pháp tránh thai tại Việt Nam	77
3.1. Các biện pháp tránh thai hiện đại.....	77
3.2. Các biện pháp tránh thai truyền thống (tránh thai tự nhiên).....	80
3.3. Tình hình áp dụng các BPTT ở Việt Nam trong những năm gần đây	81
4. Mối quan hệ giữa kế hoạch hoá gia đình và sức khoẻ phụ nữ	82
5. Vai trò của nam giới trong KHHGD	83
6. Quá trình tư vấn về kế hoạch hoá gia đình	84
6.1. Quyền của khách hàng khi nhận dịch vụ tư vấn KHHGD	84
6.2. Quá trình tư vấn KHHGD.....	85
Phụ lục	86
Tự lượng giá.....	88
Tài liệu đọc thêm.....	89
Bài 8. Phá thai	90
1. Một số khái niệm	90
2. Tình hình phá thai ở Việt Nam và trên thế giới.....	91
2.1. Phá thai trên thế giới.....	92
2.2. Phá thai không an toàn	93
2.3. Phá thai ở Việt Nam	93
3. Các kỹ thuật phá thai	94
3.1. Phá thai bằng thuốc	94
3.2. Thủ thuật ngoại khoa	94
4. Các biến chứng và vấn đề xã hội của phá thai	96
4.1. Các biến chứng của phá thai	96
4.2. Các vấn đề xã hội của phá thai	98
5. Các biện pháp làm giảm phá thai và phá thai không an toàn.....	101
5.1. Tuyên truyền giáo dục về áp dụng các biện pháp KHHGD	101
5.2. Cung cấp dịch vụ KHHGD và phá thai an toàn.....	102
5.3. Cụ thể hoá việc phá thai bằng luật pháp và chính sách	103
Tự lượng giá.....	104
Tài liệu đọc thêm.....	105
Bài 9. Vô sinh	106
1. Định nghĩa	107

2. Những yếu tố liên quan đến vô sinh nữ	107
2.1. Do giải phẫu.....	107
2.2. Do các tuyến nội tiết khác	107
2.3. Do những yếu tố khác:	107
3. Những yếu tố liên quan đến vô sinh nam	108
4. Những vấn đề chức năng sinh dục.....	108
5. Điều trị cho một cặp vô sinh.....	109
5.1. Nguyên tắc	109
5.3. Những vấn đề chính cần tư vấn cho một cặp vợ chồng bị vô sinh	109
6. Đề phòng vô sinh	110
7. Những phương pháp hỗ trợ sinh sản.....	110
7.1. Các phương pháp áp dụng khi nguyên nhân vô sinh do nam giới.....	110
7.2. Các phương pháp áp dụng khi nguyên nhân vô sinh do nữ giới.....	110
7.3. Một số phương pháp hỗ trợ sinh sản phổ biến	111
8. Các vấn đề xã hội của vô sinh	112
8.1. Khía cạnh xã hội của vô sinh	112
8.2. Tiếp cận dịch vụ vô sinh	112
8.3. Các vấn đề liên quan đến chính sách	113
Tự lượng giá.....	114
Tài liệu đọc thêm.....	114
Bài 10. Sức khỏe sinh sản người cao tuổi.....	115
Giới thiệu.....	115
1. Ung thư vú	116
1.1. Ung thư vú là một vấn đề y tế công cộng cần được quan tâm	116
1.2. Yếu tố nguy cơ liên quan đến UTV	116
1.3. Chẩn đoán sớm UTV.....	117
2. Ung thư cổ tử cung	118
2.1. Tình hình ung thư cổ tử cung (UTCTC).....	118
2.2. Các yếu tố nguy cơ liên quan đến UTCTC.....	119
2.3. Chẩn đoán sớm UTCTC.....	119
3. Những thay đổi ở phụ nữ thời kỳ mãn kinh	123
3.1. Định nghĩa	123
3.2. Những thay đổi quanh thời kỳ mãn kinh	124
4. Chăm sóc sức khỏe sinh sản người mãn kinh và người cao tuổi.....	128
Tự lượng giá.....	129
Tài liệu đọc thêm.....	130
Bài 11. Tổ chức hệ thống chăm sóc sức khỏe sinh sản	131
1. Tổ chức mạng lưới chăm sóc sức khỏe sinh sản.....	131
1.1. Hệ thống chăm sóc sức khỏe sinh sản	131
1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Vụ Sức khỏe sinh sản	135
1.3. Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Trung tâm bảo vệ SKBMTE – KHHGD thuộc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.....	136
1.4. Đội BVS KBMTE – KHHGD thuộc Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh:.....	138
2. Mục tiêu chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản 2001–2010	139
2.1. Quan điểm.....	139
2.2. Mục tiêu.....	140
3. Các chính sách hiện hành trong chăm sóc sức khỏe sinh sản	142
Tự lượng giá.....	143
Tài liệu đọc thêm.....	144
Tài liệu tham khảo	145

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BPTT	Biện pháp tránh thai
BVBMTE	Bảo vệ bà mẹ trẻ em
CSSKSS	Chăm sóc sức khoẻ sinh sản
CTC	Cổ tử cung
CĐSL	Chẩn đoán sàng lọc
DCTC	Dụng cụ tử cung
HIV/AIDS	Human immunodeficiency virus/ Acquired immunodeficiency Syndrome (Virus gây suy giảm miễn dịch mắc phải ở người/hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người)
KHHGD	Kế hoạch hoá gia đình
LMAT	Làm mẹ an toàn
LTQĐTD	Lây truyền qua đường tình dục
NHT	Nạo hút thai
NKĐSS	Nhiễm khuẩn đường sinh sản
SKSS	Sức khoẻ sinh sản
SKSS VTN	Sức khoẻ sinh sản vị thành niên
STDs	Sexual transmitted disease (Bệnh lây truyền đường tình dục)
UTCTC	Ung thư cổ tử cung
UTV	Ung thư vú
VTN	Vị thành niên
WHO	Tổ chức Y tế thế giới

Bài 1

ĐẠI CƯƠNG SỨC KHOẺ SINH SẢN

MỤC TIÊU

1. Định nghĩa được sức khỏe sinh sản.
2. Trình bày được các biện pháp chăm sóc sức khỏe sinh sản.
3. Nêu được 10 nội dung của sức khỏe sinh sản trong chiến lược chăm sóc sức khỏe sinh sản của Việt Nam 2001 – 2010.
4. Nắm được vai trò của nam giới trong chăm sóc sức khỏe sinh sản.

NỘI DUNG

1. KHÁI NIỆM SỨC KHOẺ SINH SẢN

Năm 1994, Hội nghị quốc tế về Dân số và phát triển (ICPD – *international conference of Population and Development*) họp tại Cairô, thủ đô nước Ai Cập đã đưa ra định nghĩa về sức khỏe sinh sản (SKSS):

SKSS là trạng thái thoải mái về thể chất, tinh thần và xã hội của tất cả những gì liên quan tới hoạt động và chức năng của bộ máy sinh sản chứ không phải là không có bệnh hay khuyết tật của bộ máy đó. Điều này cũng hàm ý là tất cả mọi người, kể cả nam và nữ đều có được cuộc sống tình dục thoả mãn và an toàn; họ có khả năng sinh sản và tự do quyết định khi nào sinh và khoảng cách các lần sinh; có quyền được nhận thông tin và tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, các biện pháp kế hoạch hoá gia đình an toàn, hiệu quả và chấp nhận được theo sự lựa chọn của mình, cũng như có khả năng lựa chọn các biện pháp phá thai phù hợp không trái với pháp luật, nhằm bảo đảm cho phụ nữ trải qua quá trình thai nghén và sinh đẻ an toàn, tạo cho các cặp vợ chồng cơ may tốt nhất để sinh được đứa con khoẻ mạnh.

Định nghĩa SKSS nguyên văn tiếng Anh (1994):

Reproductive health is a state of complete physical, mental and social well being and not merely the absence of disease or infirmity, in all matters related to the reproductive system and to its function process. Reproductive therefore implies that people are able to have satisfying and safe sex life and that they have the capacity to reproduce and the freedom to decide if, when and how often

to do so. Implicit in the last condition are the rights of men and women to be informed and to have access to safe, effective, affordable and acceptable methods of family planning of their choices, as well as other methods of their choice for regulation of fertility which are not against the law, the right of access to appropriate health care service that women will be able to go safely through pregnancy and child birth and provide couples with the best chance of having a healthy infant.

Nói gọn lại SKSS bao gồm:

– Thể chất: Bộ máy sinh sản phải được bình thường và khoẻ mạnh về hoạt động tình dục và chức năng sinh sản.

– Tinh thần: Có sự thoải mái, bằng lòng, không lo lắng hay băn khoăn về bộ máy sinh sản.

– Xã hội: Được xã hội tôn trọng và đối xử công bằng về các quyền sinh sản và tình dục.

Vì vậy SKSS cũng hàm ý là mọi người đều có thể:

– Có cuộc sống tình dục thoải mái và an toàn.

– Tự do quyết định sinh con.

– Tiếp cận thông tin và các biện pháp kế hoạch hoá gia đình an toàn, hiệu quả.

– Tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, sinh đẻ an toàn.

2. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA MÔN SỨC KHOẺ SINH SẢN

Cả nam và nữ đều có bộ máy sinh sản. Hoạt động tình dục cũng như chức năng sinh sản đòi hỏi có sự phối hợp của cả hai giới. Vậy đối tượng của SKSS chính là cả nam và nữ. Như vậy đối tượng của SKSS rất rộng, bao gồm cả hai giới, không bó hẹp riêng giới nữ như môn học Bảo vệ sức khoẻ bà mẹ trẻ em trước đây.

Cuộc đời người phụ nữ được chia làm 5 giai đoạn:

a) Thời kỳ bào thai và thai nhi, nghĩa là khi còn nằm trong bụng mẹ.

b) Thời kỳ trẻ em và tuổi học đường, là khi bắt đầu được sinh ra cho đến lúc tròn 9 tuổi.

c) Thời kỳ vị thành niên, từ 10 đến 19 tuổi.

d) Thời kỳ sinh sản, từ 15 đến 49 tuổi; như vậy ở tuổi vị thành niên từ 15 tuổi trở lên là đã có khả năng sinh đẻ.

e) Thời kỳ tuổi già.

Ở nam giới cũng có 5 giai đoạn như nữ giới nhưng không phân biệt rõ về tuổi tại thời kỳ sinh sản và thời kỳ tuổi già vì nam giới không có mốc mãn kinh

như nữ giới, hoạt động sản sinh tinh trùng của nam vẫn tiếp tục khi nam giới đã già.

Tất cả năm giai đoạn trên đều cần được chăm sóc về SKSS. Mỗi thời kỳ có cách chăm sóc riêng.

– Bào thai và thai nhi: chăm sóc bà mẹ tốt để có trẻ sơ sinh khoẻ mạnh.

– Trẻ em: bảo vệ sức khoẻ trẻ em và tuổi học đường.

– Thời kỳ vị thành niên: giáo dục giới tính, các vấn đề sức khoẻ sinh sản và sức khoẻ tình dục.

– Thời kỳ sinh sản: chăm sóc thai sản, vấn đề kế hoạch hoá gia đình, các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản, HIV/AIDS và các vấn đề liên quan đến sức khoẻ tình dục.

– Thời kỳ tuổi già: mãn kinh, thiếu hụt estrogen (ở nữ), loãng xương, ung thư (ở nam và nữ).

Hoạt động của bộ máy sinh sản nhằm hai mục tiêu: Mục tiêu sinh sản là sinh đẻ và hạn chế sinh đẻ; Mục tiêu không sinh sản là những hoạt động tình dục.

Cả hai mục tiêu này đều mang tính chất xã hội rộng rãi và tính tự nhiên vốn có của nó, vì vậy hiểu một cách đơn giản và cụ thể SKSS là: khả năng nam và nữ tiến hành hoạt động tình dục an toàn, mong muốn có thai hoặc không và nếu mong muốn có thai thì quá trình mang thai phải đủ tháng và an toàn, trẻ đẻ ra khoẻ mạnh và được chuẩn bị nuôi dưỡng tốt. Ngoài ra, SKSS còn quan tâm đến sức khoẻ, chức năng tình dục của cả nam và nữ lứa tuổi già. Như vậy đối tượng của môn SKSS là con người từ thời kỳ bào thai cho đến lứa tuổi già.

3. CÁC BIỆN PHÁP CHĂM SÓC SỨC KHOẺ SINH SẢN

Chăm sóc sức khoẻ sinh sản (CSSKSS) là sự phối hợp các biện pháp kỹ thuật, dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng SKSS làm cho các hoạt động và chức năng của bộ máy sinh sản được tốt hơn, khoẻ mạnh hơn, bao gồm cả sức khoẻ tình dục, mục đích là làm cho cuộc sống có chất lượng và hạnh phúc hơn bằng cách phòng ngừa và giải quyết các vấn đề SKSS. Ví dụ như phải khám thai, chăm sóc tốt bà mẹ trong khi có thai để có trẻ sơ sinh khoẻ mạnh; phát hiện và điều trị sớm các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản để hạn chế chữa ngoài tử cung và vô sinh hoặc tuyên truyền thực hiện tốt các biện pháp tránh thai để nâng cao sức khoẻ cho con người... Các biện pháp CSSKSS bao gồm:

Các biện pháp kỹ thuật và dịch vụ để góp phần nâng cao chất lượng SKSS và hạnh phúc bằng cách phòng ngừa và giải quyết các vấn đề sức khoẻ sinh sản bao gồm cả sức khoẻ tình dục, nhằm mục đích đề cao cuộc sống và các mối quan